

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ KHI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN:
CỤM CÔNG NGHIỆP ĐỒNG ĐÌNH, HUYỆN TÂN YÊN TÀI THỊ TRẤN CAO THƯỢNG**

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày/6/2023 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Chủ sử dụng	Thông tin thửa đất theo BĐDC			Loại đất	Diện tích thu hồi theo QĐ 411, ngày 22/3/2022 (m2)		Nay điều chỉnh thu hồi đất thành (m2)			Ghi chú
		Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)		Diện tích thu hồi đất của hộ (m2)	Đất UB	Đất của hộ (m2)	Đất UB	Tăng giảm (m2)	
1	Trần Thị Hương (vợ) GCN Bùi Văn Miêng	1	82	128,0	CLN (BHK)	128,0	0	128,0		0	
Tổng				128,0		128,0	0	128,0		0	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ KHI THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN
CỤM CÔNG NGHIỆP ĐỒNG ĐÌNH, HUYỆN TÂN YÊN TÀI THỊ TRẤN CAO THƯỢNG**

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày/6/2023 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Chủ sử dụng	Thông tin thửa đất theo BĐDC			Loại đất	Phương án bồi thường, hỗ trợ theo QĐ số 492/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND huyện						Nay điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ thành						Tăng giảm
		Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m ²)		Thu hồi đất của hộ (m ²)	Bồi thường về đất 52.000 đ/m ²	Bồi thường hoa màu trên đất 8.800đ/m ²	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi 10.000 đ/m ²	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm =3 lần giá đất NN 156.000 đ/m ²	Cộng	Thu hồi đất của hộ (m ²)	Bồi thường về đất 52.000 đ/m ²	Bồi thường hoa màu trên đất 8.800đ/m ²	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi 10.000 đ/m ²	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm =3 lần giá đất NN 156.000đ/m ²	Cộng	
1	Trần Thị Hương (vợ) GCN Bùi Văn Miêng	1	82	128,0	CLN (BHK)	128,0	6.656.000	1.126.400	1.280.000	19.968.000	29.030.400	128,0	6.656.000	0	1.280.000	19.968.000	27.904.000	-1.126.400
Tổng				128,0		128,0	6.656.000	1.126.400	1.280.000	19.968.000	29.030.400	128,0	6.656.000	0	1.280.000	19.968.000	27.904.000	-1.126.400

**PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN:
CỤM CÔNG NGHIỆP ĐỒNG ĐÌNH HUYỆN TÂN YÊN - TDP ĐÌNH, THỊ TRẤN CAO THƯỢNG**

(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày/6/2023 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Họ tên chủ sử dụng	Số tờ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích thu hồi	Loại tài sản trên đất	ĐVT	Số Lượng	Tỉ lệ bồi thường (%)	Năm hình thành	Đơn giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)	Tổng (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
1	Trần Thị Hương (vợ) GCN Bùi Văn Miêng	1	82	128,0	CLN (BHK)	128,0	Chuối trồng từ 6 tháng đến khi có quả	đ/khóm	46	80%	2018	53.000	1.950.400	1.950.400
Tổng									46				1.950.400	1.950.400

Ghi chú:

- Đối với trường hợp có tài sản cây trồng thực hiện theo CV số 2815/SNN-KHTC ngày 28/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất 06 tháng cuối năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.